

Mở rộng hoạt động đầu tư của các ngân hàng thương mại Việt Nam trước bối cảnh hội nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN

HUỲNH LƯU ĐỨC TOÀN & THS. NGUYỄN THỊ MINH TÚ

Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM

Trước bối cảnh VN đang hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế toàn cầu, việc Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) với lộ trình hình thành vào năm 2015 sẽ mở ra nhiều triển vọng mới cho các quốc gia trong khu vực ASEAN nói chung và cho VN nói riêng. Theo đó, hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các ngân hàng thương mại (NHTM) được xem như tính tất yếu nhằm tạo sự mở rộng và tăng trưởng của các quốc gia. Xuất phát từ những kỳ vọng vào tác động tích cực khi AEC được thành lập và lợi ích mà hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại trong thời gian qua, bài viết trình bày một cách khái quát về AEC và lộ trình chiến lược, thực trạng hoạt động đầu tư vào thị trường các nước ASEAN của các NHTM VN trong thời gian qua, những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề xuất một vài nhóm giải pháp cụ thể nhằm góp phần mở rộng hoạt động đầu tư của các NHTM vào thị trường các nước ASEAN trong bối cảnh thành lập Cộng đồng Kinh tế AEC.

Từ khóa: Cộng đồng Kinh tế ASEAN, đầu tư, hội nhập.

1. Giới thiệu về Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

1.1. Mục đích thành lập AEC

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (ASEAN Economic Community) được thành lập nhằm mục đích tạo dựng một thị trường thống nhất cho các quốc gia thành viên ASEAN, thúc đẩy dòng chu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, lao động có tay nghề trong ASEAN. Mục tiêu của AEC là thúc đẩy phát triển kinh tế một cách công bằng, thiết lập khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao để ASEAN có thể hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Ý tưởng cho việc thành lập AEC được đưa ra lần đầu trong

Hội nghị thượng đỉnh không chính thức các nước ASEAN lần thứ 2 tại Kuala Lumpur, Malaysia vào năm 1997. Tại đây, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua Tầm nhìn ASEAN 2020 về phát triển kinh tế và hội nhập khu vực, hướng tới phát triển đồng đều và bền vững. Tầm nhìn đã được cụ thể hóa thông qua tuyên bố của các nhà lãnh đạo ASEAN trong Hiệp định ASEAN II ngày 7/10/2003 bao gồm ba trụ cột chính là Cộng đồng An ninh ASEAN (ASC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa- Xã hội ASEAN (ASCC).

Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN tại Cebu, Phillippines vào ngày 9/1/2007, các nhà lãnh đạo

ASEAN đã thông qua xây dựng kế hoạch tổng thể và lộ trình chiến lược thực hiện AEC với các biện pháp chi tiết và quyết định đẩy nhanh mục tiêu hoàn thành AEC vào năm 2015.

1.2. AEC và sự hội nhập tài chính

Theo kế hoạch tổng thể, từ năm 2015, AEC sẽ là thị trường chung của khu vực ASEAN, từng bước xây dựng một khu vực năng động, có tính cạnh tranh cao trên thế giới, đem lại sự thịnh vượng chung cho các quốc gia ASEAN. Hàng hóa, dịch vụ, vốn, công nghệ và lao động có tay nghề sẽ được tự do lưu chuyển trong ASEAN mà không chịu bất cứ hàng rào hay sự phân

biệt đối xử nào. Người tiêu dùng ASEAN sẽ có nhiều lựa chọn về hàng hóa và dịch vụ với giá cả và chất lượng cạnh tranh. Thương mại trong khối có cơ hội phát triển. Các doanh nghiệp sẽ được hưởng lợi nhiều hơn nhờ phát huy hiệu quả từ quy mô để tăng năng suất và giảm chi phí sản xuất, dẫn tới hàng hóa các nước cạnh tranh cao hơn. Thương mại và đầu tư trong khối được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nhằm nâng cao năng lực sáng tạo, giải phóng tiềm năng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó sản phẩm đa dạng hơn, chất lượng và hiệu quả cao hơn, có lợi cho người tiêu dùng.

AEC không đơn thuần là khu vực được tạo nên bởi các cam kết tự do hóa thương mại, đầu tư mà được xây dựng dựa trên sự thống nhất, hài hòa cao về hệ thống tiêu chuẩn, quy trình quản lý hoạt động thương mại, đầu tư và khả năng điều phối chặt chẽ các chính sách vĩ mô giữa các nước thành viên.

Lộ trình chiến lược và kế hoạch tổng thể thực hiện AEC đề cập đến nhiều biện pháp cụ thể khác nhau như thuế quan, các biện pháp phi thuế, thủ tục hải quan, chính sách cạnh tranh, sở hữu trí tuệ, dịch vụ, đầu tư đến các vấn đề môi trường, lao động, phát triển nguồn nhân lực. Các biện pháp này có thể phân loại thành bốn nhóm gồm: (1) Nhóm biện pháp tạo lập một thị trường chung và không gian sản xuất thống nhất; (2) Nhóm biện pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh của các khu vực, ngành kinh tế; (3) Nhóm các biện pháp tạo sự phát triển công bằng và đồng đều; và (4) Nhóm các biện pháp kết nối nền kinh tế ASEAN với bên ngoài.

(1) Thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất

AEC sẽ hỗ trợ hội nhập kinh tế của các khu vực ưu tiên, đồng thời cho phép tự do chu chuyển nguồn nhân lực có trình độ cao, tài năng trong kinh doanh. Một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất ASEAN bao gồm 5 yếu tố cơ bản: (i) Chu chuyển tự do hàng hóa, dịch vụ, lao động có tay nghề, chu chuyển tự do hơn nữa các dòng vốn và dòng đầu tư; (ii) Hàng rào thuế quan và hàng rào phi thuế quan sẽ từng bước bị xóa bỏ; (iii) Các nhà đầu tư ASEAN sẽ được tự do đầu tư vào tất cả mọi lĩnh vực trong khu vực; (iv) Các chuyên gia và lao động có tay nghề sẽ được luân chuyển tự do trong khu vực; và (v) Những thủ tục hải quan và thương mại khi đã được tiêu chuẩn hóa và đơn giản hơn sẽ góp phần làm giảm chi phí giao dịch.

(2) Khu vực kinh tế cạnh tranh

AEC hướng tới mục tiêu tạo dựng một khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao, thịnh vượng và ổn định, theo đó khu vực này sẽ ưu tiên 6 yếu tố chủ chốt là: Chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống thuế khóa và thương mại điện tử. ASEAN cam kết thúc đẩy văn hóa cạnh tranh công bằng thông qua việc ban hành các chính sách và luật cạnh tranh, đảm bảo sân chơi bình đẳng và hiệu quả kinh tế khu vực ngày càng cao.

(3) Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)

ASEAN hướng tới mục tiêu là điểm đến đầu tư hấp dẫn trong quá trình hội nhập khu vực vào năm 2015. Vào tháng 2/2009, các bộ trưởng ASEAN đã ký kết Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) nhằm tạo ra một cơ chế đầu tư minh bạch, thông thoáng

và tự do theo đúng tiêu chí khi hội nhập kinh tế ASEAN, có hiệu lực từ tháng 3/2012. Các điều khoản toàn diện của ACIA sẽ bảo vệ hơn nữa cho các hoạt động đầu tư và nâng cao sự tự tin của các nhà đầu tư trong khu vực. Hiệp định này cũng bao gồm các điều khoản mới về giải quyết tranh chấp phát sinh liên quan tới nhà đầu tư trong nước, chuyển giao và đãi ngộ đầu tư, các hạn chế đầu tư và các tiêu cực trong đầu tư.

1.3. Hội nhập tài chính trong Cộng đồng Kinh tế ASEAN

Hội nhập thị trường vốn và thị trường tài chính ASEAN vào năm 2015, được đề cập đến trong bản kế hoạch hành động AEC, sẽ tạo ra hệ thống tài chính khu vực thông suốt với cơ chế tài khoản vốn tự do hơn. Các thị trường vốn được liên kết với nhau sẽ thúc đẩy hoạt động thương mại và đầu tư khu vực. Hội nhập tài chính ASEAN tạo điều kiện tự do hóa dịch vụ tài chính, tự do hóa tài khoản vốn và phát triển thị trường vốn.

Tự do hóa dịch vụ tài chính vào năm 2015 sẽ khiến cho hoạt động thương mại được tự do nhiều hơn thông qua tiếp cận rộng hơn với dịch vụ tài chính. Vào tháng 5/2011, các bộ trưởng tài chính ASEAN đã đàm phán và ký kết nghị định thực hiện gói cam kết thứ 5 đối với dịch vụ tài chính theo Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS).

Việc dỡ bỏ kiểm soát và hạn chế vốn như: Xóa bỏ hạn chế đối với các giao dịch trên tài khoản vãng lai, xóa bỏ hạn chế đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và danh mục đầu tư sẽ nâng cao lợi thế của dòng chu chuyển vốn tự do trong ASEAN. Những nỗ lực đáng kể đã được thực hiện nhằm nói lỏng hạn chế đối với giao dịch

mua bán ngoại tệ, thanh toán cho các giao dịch chuyển tiền.

2. Hoạt động đầu tư của các NHTM VN trong khu vực ASEAN

2.1. Hoạt động đầu tư của các NHTM VN trong khu vực ASEAN đến cuối năm 2013

Trong xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập tài chính tất yếu như hiện nay, bên cạnh việc thu hút đầu tư nước ngoài bằng cách tìm kiếm các đối tác chiến lược, bán cổ phần cho các nhà đầu tư nước ngoài, NHTM VN cũng mạnh dạn đầu tư ra nước ngoài thông qua việc mở văn phòng đại diện và chi nhánh ở ngoài nước, mà đặc biệt là tận dụng lợi thế trước hết trong khu vực ASEAN.

Bảng 1. Tình hình xuất nhập khẩu dịch vụ tài chính, bảo hiểm của VN 2011- 2013
Đơn vị tính: Triệu USD

Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Xuất khẩu			
Dịch vụ tài chính	208	150	160
Dịch vụ bảo hiểm	81	64	68
Nhập khẩu			
Dịch vụ tài chính	217	175	190
Dịch vụ bảo hiểm	567	582	627

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thị trường Lào và Campuchia được các NHTM VN chọn là địa điểm mở rộng hoạt động đầu tư trước hết bởi Lào và Campuchia có nhiều tiềm năng, nhiều nét tương đồng với VN, dễ triển khai dịch vụ và chiếm lĩnh thị trường; về điều kiện địa lý thì đây là hai quốc gia có chung đường biên giới với VN, và mở rộng hoạt động đầu tư vào hai quốc gia này nhận được sự hậu thuẫn từ Chính phủ hai nước để tăng cường sự hợp tác hữu nghị, đoàn kết giữa các nước láng giềng.

Tại các chi nhánh ở Lào và Campuchia, đối tượng khách hàng mà ngân hàng VN hướng tới là các

Bảng 2. Thống kê số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện của các NHTM VN tại ASEAN (tính đến 31/12/2013)

Ngân hàng	Số lượng chi nhánh, văn phòng đại diện (VPĐD) tại ASEAN	Quốc gia	Năm thành lập
Vietcombank	01 VPĐD	Singapore	1997
Vietinbank	01 chi nhánh	Lào	09/2/2012
	01 VPĐD	Lào	22/7/2011
BIDV	01 VPĐD, 5 chi nhánh	Campuchia	8/2009
	01 VPĐD	Myanmar	2011
Sacombank	01 chi nhánh (NHTM 100% vốn nước ngoài)	Lào	12/2008
	01 chi nhánh (NHTM 100% vốn nước ngoài)	Campuchia	6/2009
MB	01 chi nhánh	Lào	12/2010
	01 chi nhánh	Campuchia	12/2011
SHB	01 chi nhánh	Lào	15/8/2012
	01 chi nhánh	Campuchia	9/2/2012

Nguồn: Thống kê của tác giả

Bảng 3. Một số chỉ tiêu chủ yếu của các NHTM VN có hoạt động đầu tư vào ASEAN (tính đến 31/12/2013)
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Ngân hàng	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Lợi nhuận sau thuế	NPL (%)
Vietcombank	23.174	42.386	468.994	4.378	2,62
Vietinbank	37.234	54.075	576.368	5.808	0,82
BIDV	28.113	32.040	548.386	4.051	1,96
Sacombank	12.425	16.703	160.169	2.840	2,46
MB	11.256	15.148	180.381	2.286	2,45
SHB	8.866	8.962	143.625	850	4,1%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên năm 2013 của các NHTM Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Sacombank, MB, SHB

doanh nghiệp Việt kiều, nhân viên VN đang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tầng lớp dân cư của hai nước.

2.2. Thuận lợi và khó khăn khi NHTM VN đầu tư vào thị trường ASEAN trong bối cảnh hội nhập AEC

2.2.1. Thuận lợi

Trước hết, mở rộng phát triển mạng lưới ra khỏi phạm vi quốc gia là dấu hiệu cho thấy sức cạnh tranh của các NHTM VN đang từng bước được nâng cao. Việc đầu tư vào các quốc gia ASEAN cho thấy các NHTM VN không chỉ phát triển mạnh mẽ trong nước

mà đã từng bước khẳng định vị thế và thương hiệu tại thị trường khu vực.

Hai là, khi AEC được hình thành thì những rào cản về chính sách và thuế quan giữa các quốc gia ASEAN sẽ được dỡ bỏ, xuất nhập khẩu trong khu vực AEC được mở rộng, dòng vốn lưu thông sẽ được chu chuyển một cách nhanh chóng giữa các nước ASEAN và VN. Nhờ đó, các NHTM sẽ là cầu nối giúp luân chuyển dòng vốn giữa các doanh nghiệp nhập khẩu với các doanh nghiệp xuất khẩu, giữa quốc gia này với quốc gia khác, giữa các chi nhánh công ty mẹ

và chi nhánh công ty con, thu hút lượng khách hàng bên ngoài phạm vi lãnh thổ VN sử dụng ngày càng nhiều các sản phẩm, dịch vụ của các NHTM VN, góp phần thúc đẩy kênh thanh toán, phát triển các giao dịch ngoại thương giữa các nước ASEAN và VN. Từ đó, thu nhập của các NHTM VN tăng lên nhờ nguồn thu từ phí dịch vụ và quan hệ tín dụng quốc tế.

Ba là, đầu tư ra nước ngoài giúp các NHTM đa dạng hóa hoạt động, phân tán rủi ro, tăng hiệu quả hoạt động, tiếp cận với nhiều sản phẩm tài chính hiện đại và góp phần nâng cao kinh nghiệm, hình ảnh, vị thế của NHTM VN trong khu vực ASEAN nói riêng và trên trường quốc tế nói chung.

2.2.2. *Khó khăn*

Khó khăn đầu tiên khi các NHTM VN đầu tư ra nước ngoài là sự cạnh tranh trong môi trường khắc nghiệt với các NHTM ở nước sở tại. Trong khi các NHTM bản địa có sự am hiểu thị trường nội địa một cách chắc chắn về phong tục, tập quán, tâm lý khách hàng, có mạng lưới phát triển rộng khắp, có lượng khách hàng đông đảo thì các NHTM VN lại có những hiểu biết hạn chế về những lĩnh vực này, chỉ có một vài chi nhánh hoạt động và chưa thu hút được nhiều khách hàng. Do đó, muốn thành công khi mở rộng hoạt động đầu tư ở nước ngoài đòi hỏi các NHTM VN phải chuẩn bị tốt các phương án cho hoạt động của mình, tìm hiểu và thâm nhập vào thị trường mới, tận dụng và phát huy tối đa nguồn lực sẵn có.

Hai là, mở rộng hoạt động đầu tư ở nước ngoài sẽ làm phát sinh chi phí đầu tư ban đầu cho hoạt động rất lớn. Trong bối cảnh kinh tế phục hồi chậm chạp như hiện

nay, phần lớn các NHTM gặp khó khăn trong kinh doanh, phải tiết giảm tối đa chi phí. Do đó, việc mở rộng mạng lưới đầu tư vào AEC trong bối cảnh này cần được cân nhắc kỹ.

Ba là, dù có những tương đồng nhất định về đặc điểm địa lý, kinh tế và đặc thù dân cư nhưng khi mở rộng hoạt động đầu tư tại thị trường các nước ASEAN, các NHTM VN sẽ gặp phải nhiều rủi ro. Các NHTM VN vẫn kinh doanh dịch vụ ngân hàng truyền thống là chủ yếu, tín dụng là nguồn mang lại thu nhập cao nhất cho ngân hàng. Tuy nhiên, khi hoạt động ở các nước ASEAN, hoạt động tín dụng sẽ chứa đựng nhiều rủi ro hơn so với tín dụng trong nước bởi sự chênh lệch nguồn thông tin cũng như những phong tục, tập quán kinh doanh. Mặt khác, việc kiểm soát các khoản tín dụng ngoài nước sẽ khó khăn hơn và khi có xảy ra tranh chấp thì việc giải quyết tranh chấp cũng không hề dễ dàng.

3. Những lưu ý khi mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài của NHTM VN

3.1. *Tính tất yếu của đầu tư ra nước ngoài theo Hiệp định GATS*

GATS là hiệp định thương mại pháp lý quốc tế đầu tiên xoay quanh về vấn đề thương mại dịch vụ quốc tế. GATS là một hiệp định được quản lý bởi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), do đó tất cả các thành viên của WTO đều tham gia GATS. Mục đích của GATS là từng bước thúc đẩy một cách có hệ thống sự tự do hơn nữa trong thương mại dịch vụ bằng cách loại bỏ nhiều rào cản đối với thương mại hiện tại và đảm bảo sự minh bạch của các quy định thương mại, trong đó có dịch vụ tài chính. Dịch

vụ tài chính là bất kỳ dịch vụ nào có tính chất tài chính do một nhà cung cấp dịch vụ tài chính của một nước thành viên thực hiện. Dịch vụ tài chính bao gồm mọi dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ liên quan tới bảo hiểm; mọi dịch vụ ngân hàng và dịch vụ tài chính khác (trừ bảo hiểm).

Hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các NHTM được xem như tính tất yếu để nhằm tạo sự mở rộng hội nhập và tăng trưởng của các quốc gia. Hầu hết các nước thành viên trong cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) đều là thành viên của WTO, do đó hiểu biết về những khung cơ bản luật về GATS chính là cách mà các nước thành viên có thể hiểu được việc nên mở rộng hoạt động đầu tư sang những mảng hợp lý nào trong tương lai.

3.2. *Giải pháp nhằm mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài của NHTM VN trong bối cảnh thành lập Cộng đồng Kinh tế AEC*

Định hướng đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các NHTM VN là việc làm cần thiết, cần được khuyến khích và tạo cơ sở pháp lý từ các cơ quan quản lý như Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cũng như cơ quan liên quan khác. VN là đất nước đang kêu gọi thu hút đầu tư dòng vốn vào nhiều lĩnh vực, do đó không phải bất cứ lĩnh vực hay ngành nghề nào nước ta cũng theo đuổi chính sách đầu tư ra nước ngoài như vậy. Vì thế cũng cần nghiên cứu xem, khi đầu tư ra nước ngoài liệu có mang lại lợi ích về mặt vi mô với ngân hàng và vĩ mô đối với toàn bộ nền kinh tế hay không. Nếu không có sự định hướng thị trường từ NHNN cũng như Bộ Kế hoạch và Đầu tư thì có thể dẫn đến dòng vốn chảy ra nước ngoài trong khi trong nước thiếu

vốn. Tuy nhiên, nhìn lại ngành ngân hàng thì rõ ràng hoạt động đầu tư ra nước ngoài là điều đang cần thực hiện bởi các NHTM VN vì hiện tại ở VN hoạt động ngân hàng đã bị bão hòa trong nước. Đầu tư ra nước ngoài là chuyển vốn, giải quyết thất nghiệp ở trong nước sang một quốc gia khác để giải quyết thất nghiệp cho nước đó, cho nên khi khủng hoảng kinh tế vừa qua, ngay cả Mỹ và nhiều quốc gia giàu có khác cũng hạn chế đầu tư ra nước ngoài. Thế nhưng hiện tại, sự bão hòa, thất nghiệp trong ngành ngân hàng tại VN chính là động lực để các ngân hàng bắt đầu cân nhắc việc tuân theo dòng dịch chuyển vốn tự do từ theo những quy định trong ASEAN Blue print được xem như là một cách để giải quyết khó khăn trong thị trường nội địa. Về tầm vĩ mô, Chính phủ là thành phần rất quan trọng trong việc hội nhập kinh tế quốc tế (Haas et al., 1963), cũng như hoạt động FDI của các NHTM. Trước bối cảnh VN hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế và những tác động tích cực của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại trong thời gian qua, thiết nghĩ cần nhanh chóng khuyến khích các NHTM thực hiện FDI. Do vậy, nhóm tác giả đề xuất một vài nhóm giải pháp cụ thể cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các NHTM vào thị trường các nước ASEAN trong bối cảnh thành lập cộng đồng Kinh tế AEC.

Đầu tiên, VN cần ban hành quy định và thông tư mới hướng dẫn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, không những dành cho các NHTM mà còn cho các doanh nghiệp, vì hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các doanh nghiệp cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đối với FDI

của NHTM (Grosse và Trevino, 1996). Cần lưu ý một vấn đề hiện tại hoạt động đầu tư FDI được điều chỉnh bởi chủ yếu là Luật Đầu tư 2005. Tuy nhiên, đây chỉ là luật điều chỉnh đa phần hoạt động đầu tư từ nước ngoài vào thị trường VN mà chưa chú trọng đến chiều ngược lại. Do đó, các chính sách đầu tư điển hình là thủ tục xin phép đầu tư ra nước ngoài của NHTM VN chưa thực sự được điều chỉnh bởi văn bản cụ thể nào, cấp giấy chứng nhận đầu tư, thủ tục xin phép ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, quá trình chuyển dịch dòng vốn ngoại tệ ra các nước.

Thứ hai, nghiên cứu kỹ môi trường của nước tiếp nhận đầu tư theo định hướng xúc tiến đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của các NHTM theo từng khu vực thị trường của Nhà nước. Việc lựa chọn môi trường đầu tư ra nước ngoài của các NHTM là hết sức cần thiết trong đầu tư ra nước ngoài (UNTACD, 2009). Một hoạt động đầu tư sẽ không thể hiệu quả nếu thiếu công đoạn này được tiến hành một cách bài bản và kỹ lưỡng. Việc NHNN VN cũng cần ban hành hướng dẫn thị trường của các nước thành viên trong ASEAN là một cách khai thác thị trường thích hợp, cách nắm bắt thông tin hoặc những lưu ý liên quan đến chính trị, tôn giáo hoặc văn hóa để tạo điều kiện tối đa cho hoạt động FDI của các NHTM được diễn ra một cách cụ thể, giúp cho những quốc gia tiến hành FDI trong khối AEC được bài bản và cụ thể hơn nhiều.

Thứ ba, tăng cường khả năng hợp tác khu vực và liên kết kinh tế. Đây chính là một trong những nội dung trọng điểm hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Cụ thể như ngân hàng Sacombank trước đây khi

đầu tư sang thị trường Cambodia thực hiện hoạt động liên kết, góp vốn, hợp tác, sau đó quyết định đầu tư trực tiếp vào đất nước này. Việc này có thể giúp chuyển giao thông tin, nguồn vốn cũng như nguồn nhân lực một cách hiệu quả hơn. Đầu tư ra nước ngoài bao giờ cũng phức tạp hơn so với đầu tư trong nước (OECD, 2002). Theo đó, VN cần đàm phán ký kết các hợp đồng đầu tư đa biên nhằm tăng cường bảo vệ các NHTM và tạo các cơ chế pháp lý ổn định để giải quyết các tranh chấp có thể nảy sinh khi thực hiện đầu tư ra nước ngoài. Trước hết, VN cần tham gia đầy đủ các công ước quốc tế liên quan đến đầu tư ra nước ngoài như Công ước Washington 1965, các công ước của WTO. Tuy nhiên, không phải bất kỳ văn bản nào VN cũng có thể ký kết một cách dễ dàng như vậy. Việc ký kết có thể tạo điều kiện thuận tiện cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài thông thoáng hơn nhưng cũng hàm chứa những rủi ro không thể dự đoán trước liên quan đến những chính sách luật định chưa được tìm hiểu kỹ từ nước sở tại. Thế nên, FDI trong khu vực AEC chính là giải pháp an toàn cho các NHTM. Cụ thể những thị trường tiềm năng còn được khai thác chính là Cambodia, Laos, Myanmar, Philippines, Indonesia...

Thứ tư, nhân tố khoa học công nghệ và nhân tố con người trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các NHTM VN là điều cần thiết. Con người chính là sự liên kết dịch chuyển nguồn nhân lực chất lượng cao trong cộng đồng AEC, còn nhân tố khoa học công nghệ chính là việc NHTM VN nên đầu tư sang những nước có nền kinh tế tài chính phát triển như Singapore,



Malaysia để có thể học hỏi từ hệ thống core-banking cũng như những cách quản lý mới khoa học. Chấp nhận giai đoạn đầu khó khăn nhưng chỉ có FDI, NHTM mới có được những bài học đắt giá cho hoạt động phát triển mạng lưới sau này trên khắp cộng đồng ASEAN.

Thứ năm, yếu tố quản lý và yếu tố giả cả cũng là phần rất quan trọng của hoạt động FDI NHTM VN ra các nước AEC. Thường xuyên thay đổi quy mô tổ chức của ngân hàng cho phù hợp với các tình hình đầu tư và xu hướng thế giới. Bên cạnh đó, các NHTM phải thành lập các cơ quan kiểm tra thường xuyên, đổi mới phương pháp hoạt động kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ, để tăng cường kiểm tra để giúp cho ngân hàng đi đúng đắn hành lang pháp lý, thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của ban lãnh đạo ngân hàng, bảo vệ được cán bộ và tài sản của ngân hàng. Đồng thời NHTM cổ phần VN cũng cần nhắc việc định giá các loại dịch vụ tài sản cho hợp lý theo với mức lãi suất của ngân hàng trung ương

nước sở tại cũng như thị yếu tiêu dùng. Muốn được điều này thì các chính sách cần phải phối hợp một cách nhịp nhàng và ăn ý với nhau.

4. Kết luận

Hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các NHTM cổ phần VN trong bối cảnh thành lập cộng đồng Kinh tế ASEAN là một bước quan trọng cần được cân nhắc để liên kết đầu tư cũng như tạo mọi sự thuận lợi theo đúng những cam kết mà các quốc gia đã kí kết, bao gồm dịch chuyển dòng vốn tự do, nguồn nhân lực và những thuận lợi hóa thương mại. Trước bối cảnh liên kết và hội nhập kinh tế như vậy, hoạt động đầu tư lại được xem như tính tất yếu của quá trình đầu tư, việc Ngân hàng Nhà nước, các chủ thể NHTM, bộ ban ngành cũng như việc liên kết thành lập các đơn vị xúc tiến tìm hiểu hỗ trợ cho hoạt động ngày càng sâu rộng không chỉ là bài học kinh nghiệm đối với VN mà còn là những quốc gia khác trong khu vực●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Association of Southeast Asian Nations (2013), *ASEAN Economic Community blueprint*, Tiếp cận ngày 15/4/2014. <http://www.aseansec.org>
- Báo cáo thường niên năm 2013 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN (BIDV)
- Grosse R. and Trevino L. J. (1996), Foreign Direct Investment in the United States: An Analysis by Country of Origin, *Journal of International Business Studies*. 27, pp. 139-155, Tiếp cận ngày 15/4/2014.
- Hà Văn Hội (2013), “Tham gia cộng đồng Kinh tế ASEAN và những tác động đến thương mại quốc tế của VN”, *Tạp chí khoa học Đại học Quốc Gia Hà Nội, Kinh tế và kinh Doanh*, Tập 29, Số 4, 2013, Tiếp cận ngày 15/4/2014.
- Haas E. B. et al. (1963), *Limits and Problems of European Integration*, Tiếp cận ngày 15/4/2014. http://link.springer.com/chapter/10.1007/978-94-011-9276-7_h2
- Organisation for Economic Co-operation and Development - OECD (2002), *Foreign Direct Investment for Development*, Tiếp cận ngày 15/4/2014. <http://www.oecd.org/investment/investmentfordevelopment/1959815.pdf>